

Số: 52 /2016/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 13 tháng 9 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định hỗ trợ, nâng cao hiệu quả
chăn nuôi nông hộ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016 – 2020**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương được Quốc hội thông qua ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg ngày 04/9/2014 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ giai đoạn từ 2015 – 2020;

Căn cứ Quyết định số 10/2008/QĐ-TTg ngày 16/01/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chiến lược phát triển chăn nuôi đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 66/2008/QĐ-BNN ngày 26/05/2008 của Bộ Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn về việc quy định vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật;

Căn cứ Thông tư 09/2015/TT-BNNPTNT ngày 03/3/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn thực hiện điểm a khoản 1 Điều 6 Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg ngày 04 tháng 9 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ giai đoạn 2015-2020;

Căn cứ Thông tư số 205/2015/TT-BTC ngày 23/12/2015 của Bộ Tài chính Quy định về cơ chế tài chính thực hiện Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg ngày 04/9/2014 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ, nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ giai đoạn 2015 – 2020.

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Tờ trình số 2118/TTr-SNN ngày 10/6/2016 về việc đề nghị ban hành Quy định “Chính sách hỗ trợ, nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016 – 2020”,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về chính sách hỗ trợ, nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016 – 2020.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và PTNT, Tài chính, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Cục Kiểm tra văn bản-Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Chủ tịch và các PCT. UBND tỉnh;
- Chánh – các PVP. UBND tỉnh;
- TT Công báo;
- Lưu: VT, CNN, TH, các phòng.
(Khoa.Cnn/qdchinhhsachhotronongho)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Võ Văn Chánh

QUY ĐỊNH

**Chính sách hỗ trợ, nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ trên địa bàn tỉnh
Đồng Nai giai đoạn 2016 – 2020**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 52 /2016/QĐ-UBND ngày 13/9 /2016
của UBND tỉnh Đồng Nai)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định một số chính sách hỗ trợ cho hộ chăn nuôi về: phối giống nhân tạo gia súc; xử lý chất thải chăn nuôi nhằm nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ và bảo vệ môi trường; hỗ trợ đào tạo, tập huấn người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý và sử dụng kinh phí hỗ trợ thực hiện chính sách nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ giai đoạn 2016 - 2020.
2. Các hộ gia đình trực tiếp chăn nuôi heo, trâu, bò, gia cầm trên địa bàn tỉnh (trừ các hộ chăn nuôi gia công cho các doanh nghiệp).
3. Các cơ sở sản xuất, phân phối tinh heo trên địa bàn tỉnh.
4. Người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Chăn nuôi nhỏ lẻ: Là hộ chăn nuôi có giá trị sản phẩm chăn nuôi hàng năm và quy mô đàn thấp hơn mức quy định tiêu chí chăn nuôi trang trại theo Quyết định số 3196/QĐ-UBND ngày 29/11/2011 của UBND tỉnh.
2. Tinh bò đông lạnh: Là tinh dạng viên hay cọng rạ được bảo quản trong Nitơ lỏng ở nhiệt độ - 196⁰ C.
3. Cơ sở cung cấp tinh: Là doanh nghiệp sản xuất, cung ứng tinh heo, bò để sử dụng trong thụ tinh nhân tạo gia súc.
4. Công trình khí sinh học: Là hầm (xi măng), bể (composit), túi (nhựa HDPE) dùng để xử lý (yếm khí) chất thải chăn nuôi và sản xuất khí sinh học.
5. Dẫn tinh viên: Là người thực hiện công việc gieo tinh nhân tạo cho gia súc.

Điều 4. Nguyên tắc chung để được hỗ trợ

1. Để được hưởng các chính sách hỗ trợ, các hộ chăn nuôi phải thực hiện tốt các quy định tại Quyết định số 48/2011/QĐ-UBND ngày 27/7/2011 của

UBND tỉnh như: Có sổ theo dõi chăn nuôi nông hộ, thực hiện ghi chép đầy đủ, khai báo (dịch bệnh, nhập nuôi mới, tổng đàn trước thời điểm tiêm phòng định kỳ) với chính quyền địa phương, thực hiện công tác phòng chống dịch cho đàn vật nuôi theo quy định.

2. Ưu tiên hỗ trợ cho các địa phương đang tập trung hoàn thiện các tiêu chí Nông thôn mới.

3. Không hỗ trợ cho các đối tượng thuộc diện phải di dời theo quy định của UBND tỉnh và cấp huyện.

4. Ưu tiên cho các gia đình chính sách có tham gia chăn nuôi.

5. Ưu tiên cho các đối tượng trong tổ hợp tác, hợp tác xã tham gia chuỗi sản phẩm an toàn; xây dựng vùng, cơ sở an toàn dịch.

6. Trong trường hợp cùng thời gian, một số nội dung có nhiều chính sách hỗ trợ từ các chương trình, dự án khác nhau thì đối tượng thụ hưởng được lựa chọn áp dụng một chính sách hỗ trợ có lợi nhất.

Chương II

NỘI DUNG VÀ MỨC HỖ TRỢ

Điều 5. Hỗ trợ phối giống nhân tạo hàng năm đối với heo, bò

1. Mức hỗ trợ

a) Hỗ trợ 60.000 đồng/liều tinh cho các hộ chăn nuôi để thực hiện phối giống cho heo nái; hỗ trợ 02 liều tinh cho một lần phối giống và 05 liều tinh cho 01 heo nái/năm.

b) Hỗ trợ 77.000 đồng/liều tinh bò thịt (tinh đông lạnh: 30.000 đồng, nitơ lỏng: 2 lít = 44.000 đồng, găng tay và dẫn tinh quản 01 bộ: 3.000 đồng); hỗ trợ 74.000 đồng/liều tinh bò sữa (tinh đông lạnh: 27.000 đồng, nitơ lỏng: 2 lít = 44.000 đồng, găng tay và dẫn tinh quản 01 bộ: 3.000 đồng) để phối giống nhân tạo cho đàn bò thịt, bò sữa sinh sản của các hộ chăn nuôi. Hỗ trợ 02 liều tinh/con bò thịt/năm và 04 liều tinh/con bò sữa/năm.

2. Điều kiện hưởng hỗ trợ

a) Hộ chăn nuôi quy mô nhỏ lẻ, có từ 10 con heo nái hoặc từ 10 con bò sinh sản trở xuống; có điều kiện cơ sở vật chất để phát triển chăn nuôi, có nhu cầu, làm đơn đăng ký và được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận.

b) Kinh phí hỗ trợ liều tinh heo được cấp cho cơ sở cung cấp tinh sau khi có đầy đủ hồ sơ thủ tục theo quy định.

c) Kinh phí hỗ trợ liều tinh, vật tư phối giống bò thịt, bò sữa được cấp cho cơ sở quản lý hệ thống trạm truyền giống gia súc (Trung tâm Khuyến nông tỉnh) sau khi có đầy đủ hồ sơ thủ tục theo quy định.

d) Tiêu chuẩn chất lượng liệu tinh đúng theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định tại Điều 3 Thông tư số 09/2015/TT-BNNPTNT.

Điều 6. Hỗ trợ xử lý chất thải chăn nuôi

1. Mức hỗ trợ

a) Hỗ trợ một lần bằng 5.000.000 đồng (năm triệu đồng)/công trình/hộ để xây dựng công trình khí sinh học (biogas) xử lý chất thải chăn nuôi.

b) Hỗ trợ một lần bằng 5.000.000 đồng (năm triệu đồng)/hộ để làm đệm lót sinh học xử lý chất thải chăn nuôi.

2. Điều kiện hưởng hỗ trợ

a) Đối với nội dung xây dựng công trình khí sinh học: Các hộ chăn nuôi heo với quy mô thường xuyên không ít hơn 05 con heo nái hoặc 10 con heo thịt hoặc 03 con trâu bò; có nhu cầu xây dựng công trình khí sinh học, làm đơn đăng ký và được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận.

b) Đối với nội dung làm đệm lót sinh học: Các hộ chăn nuôi dưới 5 con heo nái hoặc 10 con heo thịt hoặc 03 con trâu bò hoặc chăn nuôi gia cầm có quy mô từ 200 con đến dưới 5.000 con có nhu cầu làm đệm lót sinh học, làm đơn đăng ký và được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận.

c) Xây dựng công trình khí sinh học hoặc làm đệm lót sinh học phải theo hướng dẫn của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

d) Hỗ trợ kinh phí trực tiếp cho người chăn nuôi sau khi có hồ sơ, biên bản nghiệm thu công trình (khí sinh học), biên bản nghiệm thu (đệm lót) của phòng Nông nghiệp/Kinh tế cấp huyện.

đ) Mỗi hộ chỉ được hưởng hỗ trợ kinh phí để xây dựng công trình khí sinh học hoặc làm đệm lót sinh học.

Điều 7. Hỗ trợ đào tạo, tập huấn phối giống nhân tạo gia súc

1. Mức hỗ trợ: Hỗ trợ 01 (một) lần bằng 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng) /người khi tham gia các lớp đào tạo, tập huấn kỹ thuật phối giống nhân tạo gia súc.

2. Điều kiện hưởng hỗ trợ

Người có nhu cầu đào tạo, tập huấn phải bảo đảm các điều kiện:

a) Đã hoàn thành chương trình trung học cơ sở đối với khu vực miền núi hoặc trung học phổ thông đối với khu vực đồng bằng; dưới 50 tuổi.

b) Có nhu cầu, làm đơn và được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận.

c) Hỗ trợ kinh phí trực tiếp cho dẫn tinh viên sau khi có đầy đủ hồ sơ, chứng chỉ đã qua khóa đào tạo, tập huấn của đơn vị đào tạo cung cấp.

Điều 8. Hỗ trợ mua bình nitơ, súng bắn tinh

1. Mức hỗ trợ

a) Hỗ trợ 01 (một) lần bằng 5.000.000 đồng (năm triệu đồng)/người, cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc để mua bình chứa nitơ lỏng cá nhân.

b) Hỗ trợ 01 (một) lần bằng 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng)/trạm cho các trạm truyền giống nhân tạo gia súc trên địa bàn tỉnh để mua bình chứa nitơ lỏng loại 50 - 70 lít.

c) Hỗ trợ 01 (một) lần bằng 500.000 đồng (năm trăm ngàn đồng)/người cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc để mua súng bắn tinh.

2. Điều kiện hưởng hỗ trợ

a) Hỗ trợ kinh phí trực tiếp để mua bình ni tơ lớn cho đơn vị quản lý các trạm truyền giống nhân tạo gia súc của tỉnh.

b) Hỗ trợ kinh phí mua bình nitơ cá nhân, súng bắn tinh cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc thông qua đơn vị quản lý các trạm truyền giống nhân tạo gia súc của tỉnh.

c) Người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc phải bảo đảm các điều kiện:

Đã qua đào tạo, có chứng chỉ, có nhu cầu, làm đơn đăng ký và được Ủy ban nhân dân cấp xã chấp thuận.

Cam kết bảo quản, sử dụng bình trong thời gian tối thiểu 05 năm.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Các sở ngành và tổ chức đoàn thể

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

a) Chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành, địa phương liên quan triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ, nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016 – 2020.

b) Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc xây dựng kế hoạch thực hiện hàng năm các nội dung thuộc lĩnh vực ngành quản lý.

c) Hướng dẫn thực hiện các nội dung chuyên môn thuộc lĩnh vực ngành quản lý.

d) Chỉ định và công bố danh sách các cơ sở sản xuất, cung cấp liệu tinh, vật tư phối giống; các tổ chức, cá nhân xây dựng công trình khí sinh học đảm bảo chất lượng cho người chăn nuôi chủ động lựa chọn.

đ) Phối hợp Sở Tài chính và các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan hướng dẫn thủ tục hỗ trợ, thanh quyết toán kinh phí triển khai thực hiện quyết định.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Phối hợp với các sở, ban, ngành tổng hợp, phân bổ nguồn kinh phí để triển khai thực hiện Quy định này.

3. Sở Tài chính:

a) Thẩm định, cấp phát đầy đủ, kịp thời nguồn kinh phí để triển khai thực hiện quyết định.

b) Chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan hướng dẫn các định mức chi theo quy định hiện hành; thủ tục hỗ trợ, thanh quyết toán kinh phí triển khai thực hiện Quy định này.

4. Sở Khoa học và Công nghệ: Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan hướng dẫn các địa phương lựa chọn công nghệ, thiết bị xây dựng công trình khí sinh học, làm đệm lót sinh học phù hợp điều kiện thực tế tại địa phương.

5. Sở Tài nguyên và Môi trường: Hướng dẫn các quy định bảo vệ môi trường trong chăn nuôi; kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường trong chăn nuôi theo quy mô được phân cấp.

6. Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh Đồng Nai: Chỉ đạo các tổ chức tín dụng trên địa bàn ưu tiên bố trí nguồn vốn cho vay, hỗ trợ lĩnh vực chăn nuôi nông hộ với mức lãi suất ưu đãi theo quy định hiện hành.

7. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể: Tổ chức vận động nhân dân nêu cao vai trò, trách nhiệm trong hoạt động chăn nuôi; chủ động phối hợp để tổ chức tuyên truyền, vận động đoàn viên hội viên và nhân dân tích cực tham gia thực hiện.

Điều 10. Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã, người chăn nuôi

1. Ủy ban nhân dân cấp huyện:

a) Tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách của Nhà nước về chăn nuôi, giết mổ, bảo vệ môi trường, để người dân biết và thực hiện.

b) Tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả Quyết định số 48/2011/QĐ-UBND ngày 27/7/2011 của UBND tỉnh.

c) Điều tra, thống kê số hộ chăn nuôi gia súc, gia cầm trên địa bàn.

d) Xây dựng kế hoạch, lộ trình và bố trí kinh phí hàng năm để thực hiện chính sách hỗ trợ, nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ.

đ) Tổ chức thực hiện chính sách hỗ trợ đúng đối tượng, kiểm tra giám sát thực hiện hiệu quả chính sách này tại địa phương.

e) Báo cáo định kỳ 06 tháng và hàng năm kết quả thực hiện về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Tổ chức thực hiện tốt công tác thông tin tuyên truyền để người dân biết và tiếp nhận các khoản hỗ trợ để phục vụ sản xuất chăn nuôi hiệu quả.

b) Phân công cụ thể cán bộ xã, áp phụ trách theo dõi, quản lý địa bàn trong xã, đảm bảo việc triển khai hỗ trợ được thực hiện đúng quy định.

c) Thống kê và cấp 100% sổ quản lý chăn nuôi cho các hộ chăn nuôi nhỏ lẻ trên địa bàn; thực hiện nghiêm việc ghi chép, báo cáo hàng tháng.

3. Người chăn nuôi

a) Chấp hành các quy định về chăn nuôi gia súc, gia cầm; tự giác ghi chép đầy đủ các nội dung trong sổ quản lý chăn nuôi và thực hiện việc báo cáo hàng tháng cho cơ quan chức năng.

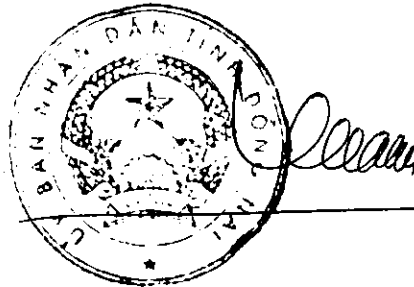
b) Bố trí nguồn kinh phí đối ứng, sử dụng có hiệu quả nguồn kinh phí hỗ trợ để phát triển chăn nuôi.

c) Từng bước chuyển đổi cơ cấu chăn nuôi từ nhỏ lẻ sang chăn nuôi tập trung hoặc chuyển đổi ngành nghề phù hợp với chiến lược phát triển chăn nuôi của địa phương.

Điều 11. Sửa đổi, bổ sung:

Trong quá trình thực hiện, nếu có những vấn đề phát sinh cần phải sửa đổi, bổ sung, Sở Nông nghiệp và PTNT có trách nhiệm trao đổi với các ngành, địa phương liên quan, tổng hợp đề xuất UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Võ Văn Chánh